



QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên
trình độ Đại học - Đợt 1/2022

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 168/2006/QĐ-TTg, ngày 17/07/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2321/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 663/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 17/9/2014 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-HVHKVN ngày 23/09/2019 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành quy định về công nhận kết quả miễn, chuyển điểm học phần tại Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ biên bản xét tốt nghiệp ngày 23 tháng 03 năm 2022 của Hội đồng xét tốt nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

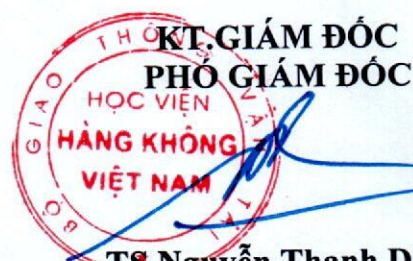
Điều 1. Công nhận và cấp 92 (Chín mươi hai) bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh, 20 (Hai mươi) bằng Kỹ sư Quản lý hoạt động bay, 14 (Mười bốn) bằng Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, 09 bằng Kỹ sư Kỹ thuật Hàng không cho các sinh viên tốt nghiệp trình độ Đại học - Đợt 1/2022 (Theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Đào tạo, các Khoa, đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *Bản*

Nơi nhận:

-Như điều 2;

-Lưu VT *VT*



TS. Nguyễn Thanh Dũng



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - ĐỢT 01/2022**

(Đính kèm quyết định số: 174 /QĐ-HVHKVN ngày 23 /03/2022)

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
1	1753020043	Phan Xuân	Cường	01/04/1999	17ĐHĐT01	2.61	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
2	1753020011	Vũ Văn	Khánh	25/08/1999	17ĐHĐT01	2.49	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
3	1753020045	Nguyễn Lê Phúc	Thịnh	08/06/1999	17ĐHĐT01	2.56	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
4	1753020017	Đỗ Trần Đăng	Trường	18/11/1999	17ĐHĐT01	2.57	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
5	1753020006	Chữ Anh	Vũ	03/12/1999	17ĐHĐT01	2.86	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
6	1753020088	Nguyễn Văn	Đạt	21/10/1999	17ĐHĐT02	2.5	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
7	1753020076	Nguyễn Thị	Linh	08/08/1999	17ĐHĐT02	3.41	Giỏi	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
8	1753020060	Đỗ Hữu	Tín	15/04/1999	17ĐHĐT02	2.78	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
9	1653020050	Hàn Hoàng	Công	27/02/1998	ĐV1-K10	2.62	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
10	1653020039	Lê Quang	Huy	25/06/1995	ĐV1-K10	2.21	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
11	1353020074	Phan Anh	Tuấn	16/11/1994	ĐV1-K7	2	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
12	1453020034	Nguyễn Thị Mỹ	Hội	31/12/1996	ĐV1-K9	2.81	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
13	1653020107	Đặng Phúc	Hùng	29/08/1995	ĐV2-K10	2.3	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
14	1653020077	Lê Hữu	Trí	21/11/1998	ĐV2-K10	2.54	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
15	1751200048	Hồ Zy	Đan	05/12/1999	17ĐHK01	3.62	Xuất sắc	Kỹ thuật Hàng không
16	1751200055	Nguyễn Minh	Hải	23/04/1999	17ĐHK01	3.3	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
17	1751200047	Dương Minh	Hiếu	17/06/1999	17ĐHK01	3.44	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
18	1751200019	Trần Trọng	Khôi	24/05/1999	17ĐHK01	3.02	Khá	Kỹ thuật Hàng không
19	1751200004	Phạm Thế	Long	18/01/1999	17ĐHK01	3.34	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
20	1751200037	Lê Đại	Thạch	28/01/1997	17ĐHK01	2.92	Khá	Kỹ thuật Hàng không
21	1751200042	Trần Minh	Thiên	21/04/1999	17ĐHK01	3.14	Khá	Kỹ thuật Hàng không
22	1751200053	Phạm Ngọc	Thiện	16/10/1999	17ĐHK01	2.77	Khá	Kỹ thuật Hàng không
23	1751200066	Roeun	Vibel	12/02/1998	17ĐHK01	2.89	Khá	Kỹ thuật Hàng không

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
24	1756060007	Nguyễn Thị Lan	Anh	25/08/1999	17ĐHKL01	3.34	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
25	1756060009	Nguyễn Thị Thùy	Dung	10/11/1999	17ĐHKL01	3.36	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
26	1756060005	Đào Tùng	Dương	16/06/1999	17ĐHKL01	2.95	Khá	Quản lý hoạt động bay
27	1756060044	Lê Quốc	Hoà	26/04/1999	17ĐHKL01	3.42	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
28	1756060055	Lê Nguyên	Hoàng	13/10/1999	17ĐHKL01	3.3	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
29	1756060015	Trần Khánh	Huyền	01/05/1999	17ĐHKL01	3.63	Xuất sắc	Quản lý hoạt động bay
30	1756060052	Phan Thị Quỳnh	Như	28/06/1999	17ĐHKL01	3.65	Xuất sắc	Quản lý hoạt động bay
31	1756060012	Bùi Thị Huyền	Nhung	22/02/1999	17ĐHKL01	3.55	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
32	1756060025	Nguyễn Thị	Quỳnh	06/08/1999	17ĐHKL01	3.6	Xuất sắc	Quản lý hoạt động bay
33	1756060051	Phạm	Sanyo	28/10/1999	17ĐHKL01	3.39	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
34	1651010422	Đỗ Nguyễn Hoài	Thương	19/08/1998	17ĐHKL01	3.14	Khá	Quản lý hoạt động bay
35	1756060046	Phan Thanh	Tùng	03/05/1999	17ĐHKL01	3.45	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
36	1756060039	Nguyễn Thị Tường	Vi	05/09/1999	17ĐHKL01	3.57	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
37	1756060050	Lâm Thúy	Vy	11/03/1999	17ĐHKL01	3.39	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
38	1736060004	Lương Dũng	Sỹ	23/10/1987	17ĐVKL01	3.05	Khá	Quản lý hoạt động bay
39	1631200008	Nguyễn Anh	Vũ	25/12/1982	17ĐVKL01	3.12	Khá	Quản lý hoạt động bay
40	1736060040	Ngô Hoài	Phương	04/03/1978	17ĐVKL02	3.21	Khá	Quản lý hoạt động bay
41	1736060043	Nguyễn Trần Duy	Tân	11/08/1993	17ĐVKL02	3.1	Khá	Quản lý hoạt động bay
42	1551010456	Nguyễn Hà	Anh	06/12/1997	QLB-K10	3.13	Khá	Quản lý hoạt động bay
43	1631200018	Trần Kim	Anh	17/08/1993	QLBVLVH-K1/2016	2.99	Khá	Quản lý hoạt động bay
44	1751010082	Trần Duy	Bảo	16/05/1999	17ĐHQTC	2.62	Khá	Quản trị kinh doanh
45	1751010102	Thái Thị Thu	Hà	10/09/1999	17ĐHQTC	2.79	Khá	Quản trị kinh doanh
46	1751010462	Nguyễn Huy	Hoàng	02/09/1999	17ĐHQTC	2.89	Khá	Quản trị kinh doanh
47	1751010092	Châu Huệ	Khánh	17/11/1999	17ĐHQTC	2.73	Khá	Quản trị kinh doanh
48	1751010384	Hà Nguyễn Yến	Linh	22/10/1999	17ĐHQTC	2.49	Trung bình	Quản trị kinh doanh
49	1751010230	Hồ Huỳnh Kim	Ngân	18/01/1999	17ĐHQTC	2.14	Trung bình	Quản trị kinh doanh
50	1751010090	Nguyễn Phương	Nghi	01/08/1999	17ĐHQTC	2.8	Khá	Quản trị kinh doanh
51	1751010106	Huỳnh Ngọc Yến	Nhi	02/02/1999	17ĐHQTC	2.39	Trung bình	Quản trị kinh doanh
52	1751010141	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	03/03/1999	17ĐHQTC	2.86	Khá	Quản trị kinh doanh



Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại	Ghi chú
53	1751010160	Lưu Thoại	Phượng	13/11/1999	17ĐHQTC	3.19	Khá	Quản trị kinh doanh
54	1751010313	Phan Thị Thùy	Tiên	08/01/1999	17ĐHQTC	3.01	Khá	Quản trị kinh doanh
55	1751010432	Nguyễn Thị	Uyên	28/03/1999	17ĐHQTC	2.95	Khá	Quản trị kinh doanh
56	1751010360	Dương Tú	Anh	29/05/1999	17ĐHQTDL	2.96	Khá	Quản trị kinh doanh
57	1751010394	Nguyễn Minh	Anh	02/05/1999	17ĐHQTDL	2.73	Khá	Quản trị kinh doanh
58	1751010399	Đặng Thị Mộng	Phi	02/12/1999	17ĐHQTDL	2.77	Khá	Quản trị kinh doanh
59	1751010240	Nguyễn Ga	Sin	06/07/1999	17ĐHQTDL	2.73	Khá	Quản trị kinh doanh
60	1751010374	Lê Thị Hiếu	Thảo	13/11/1999	17ĐHQTDL	2.64	Khá	Quản trị kinh doanh
61	1751010426	Bùi Ngọc	Trân	24/05/1999	17ĐHQTDL	3.24	Giỏi	Quản trị kinh doanh
62	1751010372	Nguyễn Thanh	Trúc	14/04/1999	17ĐHQTDL	2.9	Khá	Quản trị kinh doanh
63	1751010440	Ngô Hà	Uyên	21/04/1999	17ĐHQTDL	2.67	Khá	Quản trị kinh doanh
64	1751010277	Phan Thị Trúc	Quyên	10/01/1999	17ĐHQTTTH	2.99	Khá	Quản trị kinh doanh
65	1751010207	Lê Thị Thanh	Sương	06/06/1999	17ĐHQTTTH	3.18	Khá	Quản trị kinh doanh
66	1751010110	Vũ Bích	Trâm	02/11/1999	17ĐHQTTTH	2.99	Khá	Quản trị kinh doanh
67	1751010127	Phạm Thị Mỹ	Duyên	15/12/1999	17ĐHQTVT1	3.24	Giỏi	Quản trị kinh doanh
68	1751010034	Lâm Hà	Phương	29/10/1998	17ĐHQTVT1	3.36	Giỏi	Quản trị kinh doanh
69	1751010120	Đỗ Nguyễn Tường	Thao	02/04/1999	17ĐHQTVT1	3	Khá	Quản trị kinh doanh
70	1551010097	Lê Mai	Thuận	05/11/1997	17ĐHQTVT1	2.98	Khá	Quản trị kinh doanh
71	1751010196	Nguyễn Thị Phương	Anh	04/01/1999	17ĐHQTVT2	3.39	Giỏi	Quản trị kinh doanh
72	1751010202	Phan Thị Bích	Cang	16/08/1999	17ĐHQTVT2	3.11	Khá	Quản trị kinh doanh
73	1751010188	Võ Nguyễn Hồng	Hạnh	29/06/1999	17ĐHQTVT2	2.54	Khá	Quản trị kinh doanh
74	1751010215	Lê Việt	Hoàng	24/08/1999	17ĐHQTVT2	2.77	Khá	Quản trị kinh doanh
75	1751010170	Bùi Thu	Huyền	23/08/1999	17ĐHQTVT2	3.11	Khá	Quản trị kinh doanh
76	1751010153	Nguyễn Huỳnh Khánh	Vy	04/12/1999	17ĐHQTVT2	2.26	Trung bình	Quản trị kinh doanh
77	1751010290	Lê Tuấn	Anh	23/05/1995	17ĐHQTVT3	2.91	Khá	Quản trị kinh doanh
78	1751010270	Nguyễn Hoàng	Anh	18/06/1999	17ĐHQTVT3	2.4	Trung bình	Quản trị kinh doanh
79	1751010251	Trương Thị Ngọc	Hiền	23/09/1999	17ĐHQTVT3	3.1	Khá	Quản trị kinh doanh
80	1751010232	Nguyễn Trí Anh	Khoa	24/03/1999	17ĐHQTVT3	2.33	Trung bình	Quản trị kinh doanh
81	1751010206	H Si La	Niê	12/10/1999	17ĐHQTVT3	2.77	Khá	Quản trị kinh doanh
82	1751010218	Nguyễn Thị Thu	Phương	27/01/1999	17ĐHQTVT3	2.43	Trung bình	Quản trị kinh doanh

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại	Ghi chú
83	1751010272	Đỗ Nguyễn Kim	Phượng	29/11/1999	17ĐHQTVT3	2.95	Khá	Quản trị kinh doanh
84	1751010465	Nguyễn Kiều	Trang	09/08/1999	17ĐHQTVT3	2.6	Khá	Quản trị kinh doanh
85	1751010385	Lê Gia	Bảo	09/06/1999	17ĐHQTVT4	2.81	Khá	Quản trị kinh doanh
86	1751010356	Võ Đặng Ngọc	Hân	25/07/1999	17ĐHQTVT4	2.59	Khá	Quản trị kinh doanh
87	1751010391	Đỗ Thị Cẩm	Linh	08/11/1999	17ĐHQTVT4	2.71	Khá	Quản trị kinh doanh
88	1751010390	Lê Phùng Nhân	Trần	05/05/1999	17ĐHQTVT4	3.13	Khá	Quản trị kinh doanh
89	1751010369	Lê Thị Hồng	Vân	13/12/1999	17ĐHQTVT4	2.87	Khá	Quản trị kinh doanh
90	1751010283	Nguyễn Trịnh Chí	Vỹ	26/02/1999	17ĐHQTVT4	2.69	Khá	Quản trị kinh doanh
91	1751010081	Nguyễn Hữu	Đang	12/12/1999	17ĐHQTVT5	2.41	Trung bình	Quản trị kinh doanh
92	1751010424	Vũ Thị	Huyền	25/01/1999	17ĐHQTVT5	3.2	Giỏi	Quản trị kinh doanh
93	1751010056	Nguyễn Chánh	Tiến	05/02/1999	17ĐHQTVT5	2.7	Khá	Quản trị kinh doanh
94	1651010173	Văn Thị Kim	Tuyền	08/03/1998	QTDL1-K10	2.61	Khá	Quản trị kinh doanh
95	1551010102	Lâm Anh	Kiệt	03/02/1997	QTDL1-K9	2.22	Trung bình	Quản trị kinh doanh
96	1551010109	Đỗ Vi	Vi	01/08/1997	QTDL1-K9	2.76	Khá	Quản trị kinh doanh
97	1651010090	Phạm Thị Minh	Huệ	12/07/1998	QTDL2-K10	2.9	Khá	Quản trị kinh doanh
98	1651010072	Trần Hữu	Nhân	16/10/1998	QTDL2-K10	2.73	Khá	Quản trị kinh doanh
99	1651010524	Phạm Hồng	Nhung	26/10/1998	QTDL2-K10	2.46	Trung bình	Quản trị kinh doanh
100	1651010018	Lại Thanh	Thảo	01/03/1998	QTDL2-K10	2.85	Khá	Quản trị kinh doanh
101	1551010497	Nguyễn Hùng	Dũng	25/02/1997	QTDL2-K9	2.61	Khá	Quản trị kinh doanh
102	1451010182	Lâm Gia	Vân	22/02/1996	QTDL-K8	2.57	Khá	Quản trị kinh doanh
103	1451010304	Vũ Thị Phúc	Hậu	24/02/1996	QTKDCHK3-K8	2.75	Khá	Quản trị kinh doanh
104	1451010290	Huỳnh Lê Ngọc	Trâm	17/03/1996	QTKDCHK3-K8	2.26	Trung bình	Quản trị kinh doanh
105	1551010516	Trần Ánh	Thu	06/06/1997	QTKDCHK3-K9	2.38	Trung bình	Quản trị kinh doanh
106	1651010209	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	01/06/1998	QTKDCHK-K10	2.52	Khá	Quản trị kinh doanh
107	1651010130	Trần Ngọc Kim	Ngân	10/03/1998	QTKDTH1-K10	2.4	Trung bình	Quản trị kinh doanh
108	1651010470	Huỳnh Thị Diễm	Hương	13/01/1998	QTKDTH2-K10	2.58	Khá	Quản trị kinh doanh
109	1451010251	Nguyễn Ngọc Phương	Thy	08/05/1996	QTKDTH-K8	2.21	Trung bình	Quản trị kinh doanh
110	1451010303	Nguyễn Ngọc Phương	Trang	11/11/1996	QTKDTH-K8	2.64	Khá	Quản trị kinh doanh
111	1551010132	Nguyễn Thị	Lan	13/06/1997	QTKDTH-K9	2.27	Trung bình	Quản trị kinh doanh
112	1551010427	Hoàng Thị	Linh	21/01/1997	QTKDTH-K9	2.71	Khá	Quản trị kinh doanh



Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại	Ghi chú
113	1551010272	Lưu Thị Mộng	Trình	07/07/1997	QTKDTH-K9	2.57	Khá	Quản trị kinh doanh
114	1651010145	Phạm Thị Huệ	Phương	06/12/1997	QTKDVTHK1-K10	2.79	Khá	Quản trị kinh doanh
115	1651010128	Vũ Huỳnh Anh	Thư	27/09/1998	QTKDVTHK1-K10	2.34	Trung bình	Quản trị kinh doanh
116	1451010043	Nguyễn Ảnh Đăng	Khoa	16/01/1996	QTKDVTHK1-K8	2.03	Trung bình	Quản trị kinh doanh
117	1651010353	Võ Thùy	Duyên	27/07/1998	QTKDVTHK3-K10	2.34	Trung bình	Quản trị kinh doanh
118	1551010437	Đặng Thị	Trà	12/06/1997	QTKDVTHK3-K9	2.17	Trung bình	Quản trị kinh doanh
119	1651010546	Võ Lê Thu	Hương	02/01/1998	QTKDVTHK4-K10	2.79	Khá	Quản trị kinh doanh
120	1651010522	Nguyễn Sử Hoài Mỹ	Nhân	20/11/1998	QTKDVTHK4-K10	2.77	Khá	Quản trị kinh doanh
121	1651010476	Nguyễn Hoàng Thuý	Vân	23/09/1997	QTKDVTHK4-K10	2.81	Khá	Quản trị kinh doanh
122	1651010043	Trần Nhựt	Linh	04/01/1998	QTKDVTHK5-K10	2.55	Khá	Quản trị kinh doanh
123	1331010054	Nguyễn Ngọc	Quyên	26/09/1986	QTVLVH-K5/2013	6.87	Trung bình khá	Quản trị kinh doanh
124	1331010037	Nguyễn Vũ Nhật	Uyên	15/03/1995	QTVLVH-K5/2013	6.66	Trung bình khá	Quản trị kinh doanh
125	1230010008	Nguyễn Văn	Chính	12/02/1982	QTVLVH-K6/2014	6.95	Trung bình khá	Quản trị kinh doanh
126	1531010011	Bùi Mai Đức	Chính	12/06/1996	QTVLVH-K7/2015	6.54	Trung bình khá	Quản trị kinh doanh
127	1531010037	Nguyễn Thị	Hằng	26/10/1987	QTVLVH-K7/2015	6.47	Trung bình khá	Quản trị kinh doanh
128	1531010001	Nguyễn Mậu Hoàng	Thành	14/09/1995	QTVLVH-K7/2015	6.65	Trung bình khá	Quản trị kinh doanh
129	1531010039	Hà Thị Mai	Trình	20/05/1984	QTVLVH-	6.62	Trung bình	Quản trị kinh doanh

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại	Ghi chú
					K7/2015		khá	
130	1631010006	Nguyễn Văn	Hiếu	25/12/1988	QTVLVH-K8/2016	7.1	Khá	Quản trị kinh doanh
131	1631010019	Nguyễn Như	Mai	24/02/1992	QTVLVH-K8/2016	7.33	Khá	Quản trị kinh doanh
132	1631010023	Hoàng Thảo	My	01/01/1998	QTVLVH-K8/2016	6.75	Trung bình khá	Quản trị kinh doanh
133	1631010005	Cao Thị	Thảo	18/12/1998	QTVLVH-K8/2016	6.84	Trung bình khá	Quản trị kinh doanh
134	1631010025	Trần Thị Thanh	Thảo	19/07/1982	QTVLVH-K8/2016	7.1	Khá	Quản trị kinh doanh
135	1130010068	Lê Thị Thanh	Thi	24/11/1990	QTVLVH-K3/2012	6.3.1	Trung bình khá	Quản trị kinh doanh

Tổng cộng danh sách này có **135** sinh viên được công nhận tốt nghiệp.

Trong đó:

- Khóa 2017 - 2021: **85 SV;**
- Khóa 2016 - 2020: **26 SV;**
- Khóa 2015 - 2019: **13 SV;**
- Khóa 2014 - 2018: **07 SV;**
- Khóa 2013 - 2017: **03 SV;**
- Khóa 2012 - 2016: **01 SV;**